

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

--- ** ---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----- ** -----

Bản án số: 128 /2026/DS-ST

Ngày 06.3.2026

V/v “T/c hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng L**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công L1**

Ông **Đặng Công T**

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Minh T1** - Cán bộ T2
án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng, địa chỉ C L, phường H, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V** (gọi tắt là V1). Trụ sở tại: H L, phường L (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn T3, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn D1, ông Lê Tài T4, ông Đỗ Thành Đ, bà Võ Thị Thủy T5, bà Lê Thị Thảo N, ông Trương Văn L2 và ông Nguyễn Văn L3 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo giấy ủy quyền số 1025/2025/UQ-KHCN3-RCC4 ngày 01/10/2025). Địa chỉ liên hệ: A P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Bà Võ Thị Thủy T5 có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T6**, sinh năm 1971. Địa chỉ: A P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 22/8/2025 và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/02/2023 ông Nguyễn Thanh T6 có ký với Ngân hàng TMCP V Hợp đồng cho vay số LD2305600735. Theo Hợp đồng thì Ngân hàng cho ông T6 vay 35.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là 36 tháng. Theo thỏa thuận lãi suất trong hạn là 28%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn là 42%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T6 đã thanh toán tổng số tiền là 7.277.816 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.609.235 đồng và nợ lãi là 3.668.581 đồng). Ông T6 vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/8/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, gửi thông báo và cử trực tiếp nhân viên tín dụng đến làm việc về khoản nợ vay nói trên nhưng đến nay ông T6 vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng các khoản nợ vay nói trên.

Tính đến ngày 06/3/2026 dư nợ của ông Nguyễn Thanh T6 theo Hợp đồng số LD2305600735 ngày 25/02/2023 là 67.065.459 đồng (Trong đó nợ gốc là 31.390.765 đồng; nợ lãi trong hạn là 774.699 đồng; nợ lãi quá hạn là 35.674.693 đồng)

Cùng ngày 25/02/2023, ông Nguyễn Thanh T6 tiếp tục ký với Ngân hàng TMCP V (V1) Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 0902755755 (PDPD2327973535) ngày 25/02/2023. Theo đó, V1 đã cấp cho ông T6 vốn vay thấu chi với hạn mức 10.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân; Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng; Lãi suất cho vay thấu chi: 28%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Ngày vi phạm hợp đồng: 06/10/2023.

Trong quá trình sử dụng tài khoản thấu chi, ông Nguyễn Thanh T6 đã chi tiêu tổng số tiền là 10.000.000 đồng và chưa thanh toán số tiền gốc và lãi đối với khoản nợ thấu chi trên. Ông T6 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 06/10/2023 nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 06/03/2026, tổng dư nợ của ông Nguyễn Thanh T6 theo Hợp đồng số 0902755755 (PDPD2327973535) ngày 25/02/2023 là 20.126.027 đồng (Trong đó, nợ gốc là 10.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 10.126.027 đồng).

Nay Ngân hàng V1 đề nghị HĐXX buộc ông Nguyễn Thanh T6 phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với V1, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền tạm tính đến ngày 06/03/2026 là:

- Đối với Hợp đồng LD2305600735 là 67.065.459 đồng (Trong đó nợ gốc là 31.390.765 đồng; nợ lãi trong hạn là 774.699 đồng; nợ lãi quá hạn là 35.674.693 đồng)

- Đối với Hợp đồng số 0902755755 (PDPD2327973535) là 20.126.027 đồng (Trong đó, nợ gốc là 10.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 10.126.027 đồng).

Tổng cộng: 87.191.486 đồng (Trong đó nợ gốc là 41.390.765 đồng, nợ lãi trong hạn là 774.699 đồng, nợ lãi quá hạn là 45.026.022 đồng).

Lãi tiếp tục tính được tính từ ngày 07/3/2026 theo đúng thỏa thuận trong các Hợp

đồng tín dụng cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Thanh T6 thanh toán hết nợ cho V1.

Do bị đơn là ông Nguyễn Thanh T6 kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, Ông Nguyễn Thanh T6 tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 nhưng vẫn không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

*** Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Thanh T6 nh-ng ông T6 vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung tranh chấp:**

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Nguyễn Thanh T6 phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 06/3/2026 gồm:

- Đối với Hợp đồng LD2305600735 là 67.065.459 đồng (Trong đó nợ gốc là 31.390.765 đồng; nợ lãi trong hạn là 774.699 đồng; nợ lãi quá hạn là 35.674.693 đồng).

- Đối với Hợp đồng số 0902755755 (PDPD2327973535) là 20.126.027 đồng (Trong đó, nợ gốc là 10.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 10.126.027 đồng).

Tổng cộng: 87.191.486 đồng (Trong đó nợ gốc là 41.390.765 đồng, nợ lãi trong hạn là 774.699 đồng, nợ lãi quá hạn là 45.026.022 đồng).

Ngoài ra ông T6 còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 07/3/2026 đến ngày ông T6 thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất tại hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Ngày 25/02/2023 ông Nguyễn Thanh T6 có ký với Ngân hàng TMCP V hợp đồng cho vay số LD2305600735. Theo Hợp đồng thì Ngân hàng cho ông T6 vay 35.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là 36 tháng. Theo thỏa thuận lãi suất trong hạn là 28%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn là 42%/năm.

Cùng ngày 25/02/2023, ông Nguyễn Thanh T6 tiếp tục ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 0902755755 (PDPD2327973535) ngày 25/02/2023. Theo đó, V1 đã cấp cho ông T6 vốn vay thấu chi với hạn mức 10.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân; Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng; Lãi suất cho vay thấu chi: 28%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Ngày vi phạm hợp đồng: 06/10/2023.

HĐXX xét thấy: hợp đồng cho vay số LD2305600735 ngày 25/02/2023 và hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 0902755755 (PDPD2327973535) ngày 25/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng và ông T6 là tự nguyện, hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết, thỏa thuận phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T6 đã thanh toán tổng số tiền là 7.277.816 đồng (Trong đó nợ gốc là 3.609.235 đồng và nợ lãi là 3.668.581 đồng). Từ ngày 15/8/2023 đến nay ông T6 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Đối với Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 0902755755 (PDPD2327973535) ngày 25/02/2023, ông T6 đã chi tiêu tổng số tiền là 10.000.000 đồng và chưa thanh toán số tiền gốc và lãi đối với khoản nợ thấu chi trên. Ông T6 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 06/10/2023 nên phải chịu mức lãi suất quá hạn.

Ngân hàng TMCP V đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng đến nay ông T6 vẫn chưa thanh toán xong cho Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu ông T6 thanh toán toàn bộ các khoản nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 06/3/2026 gồm:

- Đối với Hợp đồng LD2305600735 là 67.065.459 đồng (Trong đó nợ gốc là 31.390.765 đồng; nợ lãi trong hạn là 774.699 đồng; nợ lãi quá hạn là 35.674.693 đồng).

- Đối với Hợp đồng số 0902755755 (PDPD2327973535) là 20.126.027 đồng (Trong đó, nợ gốc là 10.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 10.126.027 đồng).

Tổng cộng: 87.191.486 đồng (Trong đó nợ gốc là 41.390.765 đồng, nợ lãi trong hạn là 774.699 đồng, nợ lãi quá hạn là 45.026.022 đồng) là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (nay là Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 07/3/2026 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi ông T6 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm là 4.359.574 đồng ông T6 phải chịu.

H lại số tiền tạm ứng án phí 1.833.968 đồng cho Ngân hàng TMCP V đã nộp theo biên lai thu số 3062 ngày 07 tháng 10 năm 2025 tại Thị hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (nay là Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024) và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP V đối với ông Nguyễn Thanh T6.

Xử:

Buộc ông Nguyễn Thanh T6 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 06/3/2026 gồm:

- Đối với Hợp đồng LD2305600735 là 67.065.459 đồng (Trong đó nợ gốc là 31.390.765 đồng; nợ lãi trong hạn là 774.699 đồng; nợ lãi quá hạn là 35.674.693 đồng).

- Đối với Hợp đồng số 0902755755 (PDPD2327973535) là 20.126.027 đồng (Trong đó, nợ gốc là 10.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 10.126.027 đồng).

Tổng cộng: 87.191.486 đồng (Trong đó nợ gốc là 41.390.765 đồng, nợ lãi trong hạn là 774.699 đồng, nợ lãi quá hạn là 45.026.022 đồng).

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 07/3/2026 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi ông Nguyễn Thanh T6 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 4.359.574 đồng ông T6 phải chịu.

H lại số tiền tạm ứng án phí 1.833.968 đồng cho Ngân hàng TMCP V đã nộp theo biên lai thu số 3062 ngày 07 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực I;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Loan

